HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 29/2017/NQ-HĐND	*Sơn La, ngày 15 tháng 3 năm 2017*

NGHỊ QUYẾT

Về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHOÁ XIV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ NHẤT

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật Ngân sách nhà nước năm 2015; Luật Đầu tư công năm 2014; Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành tiêu chí định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020;

Xét đề nghị của UBND tỉnh tại Tờ trình số 85/TTr-UBND ngày 25/02/2017; Báo cáo thẩm tra số 78/BC-DT ngày 10/3/2017 của Ban Dân tộc của HĐND tỉnh và ý kiến thảo luận tại kỳ họp;

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh, tổ đại biểu HĐND tỉnh và các vị đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được HĐND tỉnh khoá XIV, kỳ họp chuyên đề lần thứ nhất thông qua ngày 15 tháng 3 năm 2017 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 4 năm 2017./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Ủy ban Tài chính - Ngân sách của Quốc hội;
- Ban công tác đại biểu của UBTVQH; Ban Chỉ đạo Tây Bắc;
- Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Các Bộ: Kế hoạch-đầu tư; NN&PTNT; Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ tỉnh ủy; TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH, Đại biểu HĐND, các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND tỉnh;
- TT Huyện ủy, Thành ủy; HĐND; UBND các huyện, thành phố;
- Đảng ủy, HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Trung tâm Công báo tỉnh; Chi cục VTLT tỉnh;
- Lưu: VT, DT.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Hoàng Văn Chất

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ, ĐỊNH MỨC PHÂN BỔ VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN VÀ KINH PHÍ SỰ NGHIỆP NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 29/2017/NQ-HĐND ngày 15/3/2017 của HĐND tỉnh)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn vốn thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia (*sau đây viết tắt là MTQG*) giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 là căn cứ để các cấp ngân sách lập kế hoạch đầu tư trung hạn và hàng năm giai đoạn 2016 - 2020, đồng thời là căn cứ để quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm của Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh.

2. Đối tượng áp dụng

2.1. Các sở, ban, ngành, các huyện, thành phố, các đơn vị sử dụng nguồn vốn chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020.

2.2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến việc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm nguồn vốn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020.

Điều 2. Nguyên tắc phân bổ

1. Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển và vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 phải đảm bảo tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Bảo đảm quản lý tập trung để phục vụ cho việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020, bảo đảm phát huy hiệu quả sử dụng vốn, phù hợp định hướng của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 của tỉnh, địa phương, phù hợp với các quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và các quy hoạch ngành, lĩnh vực đã được phê duyệt.

3. Bảo đảm công khai minh bạch trong việc phân bổ kế hoạch vốn thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

CHƯƠNG II
TIÊU CHÍ, ĐỊNH MỨC PHÂN BỔ CHO TỪNG DỰ ÁN

Điều 3. Dự án 1: Chương trình 30a (*gồm 3 tiểu dự án*)

1. Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư hạ tầng các huyện nghèo *(vốn đầu tư)*

1.1. Phạm vi và đối tượng hỗ trợ: 05 huyện nghèo theo Nghị quyết 30a gồm huyện Sốp Cộp, Mường La, Quỳnh Nhai, Bắc Yên, Phù Yên.

1.2. Tiêu chí cụ thể: 04 nhóm tiêu chí như sau:

- Tiêu chí 1: Dân số và dân tộc thiểu số

Quy mô dân số	Hệ số
Huyện có quy mô dân số dưới 10.000 hộ	0,15
Huyện có quy mô dân số từ 10.000 hộ đến dưới 20.000 hộ	0,17
Huyện có quy mô dân số từ 20.000 hộ trở lên	0,20
Quy mô dân tộc thiểu số	Hệ số
Huyện có quy mô hộ dân tộc thiểu số dưới 10.000 hộ	0,15
Huyện có quy mô hộ dân tộc thiểu số từ 10.000 hộ đến dưới 20.000 hộ	0,17
Huyện có quy mô hộ dân tộc thiểu số từ 20.000 hộ trở lên	0,20

- Tiêu chí 2: Tỷ lệ hộ nghèo và quy mô hộ nghèo

Tỷ lệ hộ nghèo của huyện	Hệ số
Huyện có tỷ lệ hộ nghèo dưới 30%	0,20
Huyện có tỷ lệ hộ nghèo từ 30% đến dưới 45%:	0,22
Huyện có tỷ lệ hộ nghèo từ 45% trở lên	0,24
Quy mô hộ nghèo	Hệ số
Huyện có quy mô hộ nghèo dưới 4.000 hộ	0,20
Huyện có quy mô hộ nghèo từ 4.000 hộ đến dưới 6.000 hộ	0,22
Huyện có quy mô hộ nghèo từ 6.000 hộ trở lên	0,24

Huyện có tỷ lệ giảm nghèo trên 4% vào năm trước năm liền kề của năm thực hiện phân bổ vốn sẽ được cộng thêm điểm ưu tiên vào điểm hệ số của tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo, cụ thể như sau:

Tỷ lệ giảm nghèo của huyện vào năm trước năm liên kế của năm thực hiện giao vốn	Hệ số cộng thêm
Huyện có tỷ lệ giảm nghèo từ 4% đến dưới 5%	0,01
Huyện có tỷ lệ giảm nghèo từ 5% trở lên	0,02

- *Tiêu chí 3: Diện tích đất tự nhiên*

Diện tích đất tự nhiên	Hệ số
Huyện có tổng diện tích tự nhiên dưới 100.000 ha	0,1
Huyện có tổng diện tích tự nhiên từ 100.000 ha đến dưới 150.000 ha	0,12
Huyện có tổng diện tích tự nhiên từ 150.000 ha trở lên	0,14

- *Tiêu chí 4: Đơn vị hành chính và huyện có xã biên giới*

Đơn vị hành chính	Hệ số
Huyện có số xã dưới 10 xã	0,1
Huyện có số xã từ 10 xã đến dưới 20 xã	0,12
Huyện có số xã từ 20 xã trở lên	0,14
Huyện có xã biên giới	Hệ số
Huyện có xã biên giới	0,12

1.3. Mức vốn phân bổ:

- Tổng mức phân bổ vốn đầu tư phát triển cho một huyện = A x X.

Trong đó:

A: là định mức bình quân cho một hệ số được tính như sau: A = T : Y. Trong đó: T là tổng vốn đầu tư thực hiện chương trình 30a cho toàn tỉnh trong năm kế hoạch; Y là tổng các hệ số theo 04 nhóm tiêu chí của 05 huyện

X: là tổng các hệ số theo 04 nhóm tiêu chí của 01 huyện

- Mức phân bổ kinh phí sự nghiệp bố trí cho 01 huyện để duy tu, bảo dưỡng các công trình bằng 6,3% vốn đầu tư phát triển.

2. Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn huyện nghèo *(kinh phí sự nghiệp)*

2.1. Phạm vi và đối tượng:

- Phạm vi hỗ trợ: Áp dụng đối với 05 huyện nghèo theo Nghị quyết 30a gồm huyện Sốp Cộp, Mường La, Quỳnh Nhai, Bắc Yên, Phù Yên.

- Đối tượng hỗ trợ: Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo *(là hộ mới thoát nghèo năm trước năm kế hoạch)*, ưu tiên hộ nghèo dân tộc thiểu số và phụ nữ thuộc hộ nghèo. Đồng thời tạo điều kiện để người lao động là đối tượng sau cai nghiện ma túy, đối tượng nhiễm HIV/AIDS, phụ nữ bị buôn bán trở về,... được tham gia dự án.

2.2. Tiêu chí cụ thể: 04 nhóm tiêu chí, tính hệ số theo tiểu dự án 1.

2.3. Mức vốn phân bổ:

- Tổng mức phân bổ kinh phí hỗ trợ phát triển sản xuất cho một huyện = A x X

Trong đó:

A: là định mức bình quân cho một hệ số được tính như sau: A = T : Y. Trong đó: T là tổng kinh phí sự nghiệp thực hiện tiểu dự án 3 cho toàn tỉnh trong năm kế hoạch; Y là tổng các hệ số theo 04 nhóm tiêu chí của 05 huyện.

X: là tổng các hệ số theo 04 nhóm tiêu chí của 01 huyện.

3. Tiểu dự án 3: Hỗ trợ cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài *(kinh phí sự nghiệp)*.

3.1. Phạm vi và đối tượng:

- Phạm vi hỗ trợ: Áp dụng đối với 05 huyện nghèo theo Nghị quyết 30a gồm huyện Sốp Cộp, Mường La, Quỳnh Nhai, Bắc Yên, Phù Yên.

- Đối tượng hỗ trợ: Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người dân tộc thiểu số, lao động cư trú dài hạn trên địa bàn huyện nghèo. Ưu tiên đối tượng lao động là thanh niên chưa có việc làm, đặc biệt là thanh niên thuộc hộ dân tộc thiểu số nghèo, phụ nữ thuộc hộ nghèo.

3.2. Tiêu chí cụ thể:

Tỷ lệ hộ nghèo và quy mô hộ nghèo

Tỷ lệ hộ nghèo của huyện	Hệ số
Huyện có tỷ lệ hộ nghèo dưới 30%	0,2
Huyện có tỷ lệ hộ nghèo từ 30% đến dưới 45%:	0,22
Huyện có tỷ lệ hộ nghèo từ 45% trở lên	0,24
Quy mô hộ nghèo	Hệ số
Huyện có quy mô hộ nghèo dưới 4.000 hộ	0,20
Huyện có quy mô hộ nghèo từ 4.000 hộ đến dưới 6.000 hộ	0,22
Huyện có quy mô hộ nghèo từ 6.000 hộ trở lên	0,24

Huyện có tỷ lệ giảm nghèo trên 4% vào năm trước năm liền kề của năm thực hiện phân bổ vốn sẽ được cộng thêm điểm ưu tiên vào điểm hệ số của tỷ lệ hộ nghèo, cụ thể như sau:

Tỷ lệ giảm nghèo của huyện vào năm trước năm liền kề của năm thực hiện giao vốn	Hệ số cộng thêm
Huyện có tỷ lệ giảm nghèo từ 4% đến dưới 5%	0,01
Huyện có tỷ lệ giảm nghèo từ 5% trở lên	0,02

3.3. Mức vốn phân bổ:

- Tổng mức phân bổ kinh phí hỗ trợ cho một huyện = A x X

Trong đó:

A: là định mức bình quân cho một hệ số được tính như sau: A = T : Y. Trong đó: T là tổng kinh phí sự nghiệp thực hiện tiểu dự án 4 cho toàn tỉnh trong năm kế hoạch; Y là tổng các hệ số theo 02 tiêu chí của 05 huyện.

X: là tổng các hệ số theo 02 tiêu chí của 01 huyện

Điều 4. Dự án 2: Chương trình 135.

1. Phạm vi và đối tượng hỗ trợ:

- Các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn.

- Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, ưu tiên hộ nghèo dân tộc thiểu số và phụ nữ thuộc hộ nghèo.

- Cộng đồng, cán bộ cơ sở các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu; các thôn, bản đặc biệt khó khăn.

2. Các tiêu chí cụ thể: Gồm 04 nhóm tiêu chí, cụ thể như sau:

2.1. Tiêu chí về xã

Đối với xã	**Hệ số (H1)**
Cứ mỗi xã khu vực III (*kể cả là xã ATK hoặc biên giới*) được tính	10
Cứ mỗi xã khu vực II biên giới được tính	9,5
Cứ mỗi xã khu vực II an toàn khu được tính	9
Cứ mỗi xã khu vực I biên giới được tính	8,5

2.2. Tiêu chí về thôn, bản đặc biệt khó khăn

Số thôn, bản đặc biệt khó khăn	Hệ số (H2)
Cứ 01 thôn, bản đặc biệt khó khăn thuộc xã khu vực I, khu vực II thuộc diện đầu tư được tính	1,8

Đối với các xã khu vực I hoặc khu vực II có trên 4 bản đặc biệt khó khăn thì chỉ tính 4 bản.

2.3. Tiêu chí về tỷ lệ hộ nghèo

Tỷ lệ hộ nghèo của huyện	Hệ số (H3)
Thấp hơn tỷ lệ chung của tỉnh	0
Bằng hoặc cao hơn tỷ lệ chung của tỉnh từ 1 đến 1,5 lần	0,02
Cao hơn tỷ lệ chung của tỉnh từ 1,5 lần	0,03

2.4. Tiêu chí về tỷ lệ người dân tộc thiểu số:

Tỷ lệ dân tộc thiểu số của huyện	Hệ số (H4)
Dưới 70%	0,03
Từ 70% - 90%	0,04
Trên 90%	0,05

3. Mức vốn được phân bổ cho từng huyện:

- Mức vốn đầu tư phân bổ cho từng huyện = A1 x X
- Mức kinh phí sự nghiệp phân bổ cho từng huyện = A2 x X,

Trong đó:

+ Tổng hệ số của 01 huyện: X = (H1+H2) x (1+H3+H4)

+ Tổng hệ số của cả tỉnh N = tổng hệ số của các huyện cộng lại.

+ A1: Định mức bình quân cho một hệ số được tính như sau: A1 = M1 : N *(M1 là tổng vốn đầu tư thực hiện chương trình 135 trong năm kế hoạch).*

+ A2: Định mức bình quân cho một hệ số được tính như sau: A2 = M2 : N *(M2 là tổng kinh phí sự nghiệp thực hiện chương trình 135 trong năm kế hoạch).*

Điều 5. Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các xã ngoài chương trình 30a và chương trình 135 (*kinh phí sự nghiệp*).

1. Phạm vi và đối tượng:

1.1. Phạm vi hỗ trợ: Các xã ngoài Chương trình 30a và 135

1.2. Đối tượng hỗ trợ: Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, ưu tiên hộ nghèo dân tộc thiểu số và phụ nữ thuộc hộ nghèo. Đồng thời tạo điều kiện để người lao động là đối tượng sau cai nghiện ma túy, đối tượng nhiễm HIV/AIDS, phụ nữ buôn bán trở về,... được tham gia dự án.

2. Mức hỗ trợ: Giao cơ quan chủ dự án chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và địa phương có liên quan đề xuất kế hoạch triển khai trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để triển khai thực hiện theo kế hoạch của chương trình giai đoạn 2017 - 2020.

Điều 6. Dự án 4: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin (*kinh phí sự nghiệp*).

1. Phạm vi và đối tượng:

1.1. Phạm vi hỗ trợ: Tất cả các huyện trên địa bàn tỉnh

1.2. Đối tượng hỗ trợ: Người dân, cộng đồng dân cư, các tổ chức và cá nhân có liên quan.

2. Mức hỗ trợ: Giao cơ quan chủ dự án chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và địa phương có liên quan đề xuất kế hoạch triển khai trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để triển khai thực hiện theo kế hoạch của chương trình giai đoạn 2017 - 2020.

Điều 7. Dự án 5: Nâng cao năng lực và giám sát, thực hiện chương trình (*kinh phí sự nghiệp*).

1. Phạm vi và đối tượng:

1.1. Phạm vi hỗ trợ: Áp dụng đối với tất cả các huyện trên địa bàn tỉnh.

1.2. Đối tượng hỗ trợ:

- Hoạt động nâng cao năng lực: Cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp (*cán bộ thôn, bản, đại diện cộng đồng, lãnh đạo tổ nhóm, cán bộ chi hội đoàn thể, người có uy tín*), ưu tiên nâng cao năng lực cho cán bộ nữ.

- Công tác giám sát đánh giá: Cơ quan chủ trì chương trình, cơ quan chủ trì các dự án thành phần hoặc các nội dung trong dự án thành phần, và các cán bộ được phân công phụ trách và tổ chức thực hiện công tác giám sát, đánh giá.

2. Mức hỗ trợ: Giao cơ quan chủ dự án chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và địa phương có liên quan đề xuất kế hoạch triển khai trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để triển khai thực hiện theo kế hoạch của chương trình giai đoạn 2017 - 2020./.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Hoàng Văn Chất